

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HC-PT

Ngày: 26/11/2020

“V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính,  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Trương Công Thi**

*Các Thẩm phán:*

**Ông Đặng Kim Nhân**

**Ông Nguyễn Thanh Long**

*- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên  
tòa: Ông Đỗ Xuân Ân - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 07/2020/TLPT-HC ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐ-HC ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** ông Trần Văn L, sinh năm: 1932; địa chỉ: Khố phố N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

Luật sư Phạm Xuân L1 - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Luật sư Trần Văn H - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

**- Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H1 - Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1 (thay ông Nguyễn Đ2 đã nghỉ hưu), có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

Ông Nguyễn Văn Th - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Ông Thân Văn T1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam - Ông Phan Văn H2, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đoàn Thị L2, sinh năm: 1948; địa chỉ: Khối phố N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:***

*Tại đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người người khởi kiện ông Trần Văn L trình bày:* Ngày 19-6-2015, ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 4060/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính mới Đ4 - Đ. Việc UBND thị xã Đ1 thu hồi, bồi thường 367,9 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5, tại khối phố G, phường Đ là đất màu chứ không phải là đất nhà thờ là không hợp lý, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ông đã khiếu nại lên Chủ tịch UBND phường Đ thì Chủ tịch UBND phường ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 để giải quyết khiếu nại trường hợp của gia đình ông, tuy nhiên không đồng ý với cách giải quyết này nên ông tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND thị xã Đ1 thì được giải quyết bằng Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 nhưng tại Quyết định này UBND thị xã Đ1 vẫn không công nhận diện tích đất trên của ông là đất nhà thờ.

Trên thửa đất từ năm 1975 có nhà của bà Lê Thị Đ3 (bà nội ông), thời điểm thu hồi đất có nền móng nhà của bà Đ3. Việc UBND phường Đ và UBND thị xã Đ1 cho rằng trên đất không có vật kiến trúc là không đúng. Thời điểm thu hồi đất UBND thị xã Đ1 không lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và chủ sử dụng đất. Việc ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Đ và Chủ tịch UBND thị xã đã không xác minh người dân địa phương. Nhận thấy việc làm này gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông nên ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề sau:

Yêu cầu hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02-12-2013 của UBND thị xã Đ1 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần Văn L đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới Đ4 - Đ (ĐT 603 nối dài), tại xã Đ, huyện Đ1;

Yêu cầu hủy Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19-6-2015 của UBND thị xã Đ1 về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới Đ4 - Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2), tại Đô thị mới Đ4 - Đ, thị xã Đ1;

Yêu cầu hủy Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND phường Đ về giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L; trú tại: Khối phố N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam;

Yêu cầu hủy Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1 về giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L; trú tại: Khốiph N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam; Buộc UBND thị xã Đ1 phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất diện tích 367,9m<sup>2</sup>, loại đất ở thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4) phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã Đ1 phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất diện tích 367,9m<sup>2</sup>, loại đất ở thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 4) phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam trình bày:*

Chủ tịch UBND phường Đ giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Văn L tại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018. Quyết định số 169 ban hành đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền và nội dung khiếu nại. Chủ tịch UBND phường Đ giữ nguyên quan điểm tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 169 nêu trên và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, đại diện người bị kiện Chủ tịch ủy ban nhân dân thị xã Đ1 và Ủy ban nhân dân thị xã Đ1 trình bày:*

Về yêu cầu hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02-12-2013 của UBND thị xã Đ1 về việc thu hồi đất của hộ ông Trần L và Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19-6-2015 của UBND thị xã Đ1 về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L: Ngày 04-12-2015, ông Trần Văn L đại diện hộ nhận tiền chi trả tiền đền bù dự án, ký xác nhận tại Phiếu chi ngày 04-12-2015. Căn cứ Luật tổ tụng hành chính và Luật khiếu nại thì đến nay đã hết thời hiệu khiếu nại, hết thời hiệu khởi kiện đối với các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường trên.

Về yêu cầu hủy Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1 về giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L:

Về thẩm quyền ban hành và trình tự' thủ tục ban hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo hồ sơ 299/TTg thì diện tích này là một phần của thửa đất số 321, tờ bản đồ số 05, loại đất màu không có chủ sử dụng đất. Theo hồ sơ Nghị định 64/CP thì đây là một phần thửa đất số 282, tờ bản đồ số 05, loại đất rừng trồng do UBND phường Đ quản lý. Như vậy, đối với diện tích đất đang khiếu nại, ông L không kê khai, đăng ký qua các thời kỳ và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Theo hồ sơ đo đạc để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng vào tháng 5 năm 2018 thì diện tích này là thửa đất số 701, tờ bản đồ số 01, diện tích 368m<sup>2</sup>, loại đất hàng năm khác do ông L sử dụng.

Theo xác nhận của UBND phường Đ, diện tích này trước năm 1975 thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Đ3 (bà nội ông Trần Văn L) và sau năm 1975 đến

nay không có nhà ở, nhà thờ trên đất. Từ thời điểm đó cho đến nay, trên thửa đất không có nhà thờ hay nhà ở, điều này phù hợp với Biên bản kê khai, kiểm điểm hiện trạng của hộ ông Trần Văn L ngày 20-6-2018 thể hiện không có nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc nào mà chỉ có trồng rau thơm, đã được ông Trần Văn L và những người liên quan ký xác nhận. Qua kết quả kiểm tra, xác minh và làm việc với ông L thì từ năm 1975 đến nay thửa đất không có nhà thờ, ông L không có chứng cứ chứng minh trên đất có nhà ở.

Căn cứ khoản 5 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì trường hợp thửa đất 701, tờ bản đồ 01, diện tích 368m<sup>2</sup> mà ông Trần Văn L đang khiếu nại thì từ năm 1975 đến nay không có nhà thờ họ, đền, đình, miếu, am... nên không có cơ sở công nhận diện tích trên thuộc loại đất nhà thờ mà chỉ công nhận là đất nông nghiệp theo hiện trạng sử dụng.

Trên cơ sở đó, ngày 28-12-2018 Chủ tịch UBND thị xã Đ1 đã ban hành Quyết định số 11109/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần thứ hai đối với ông Trần Văn L.

Yêu cầu khởi kiện của ông L là không có cơ sở xem xét, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị L2 thống với nhất trình bày của người khởi kiện ông Trần Văn L.*

***Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án số 21/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L về yêu cầu Tòa án:

Hủy Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02-12-2013 của UBND thị xã Đ1 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Trần L đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới Đ4 - Đ (ĐT 603 nối dài), tại xã Đ, huyện Đ1;

Hủy Quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19-6-2015 của UBND thị xã Đ1 về việc bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ ông (bà) Trần L để giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới Đ4 - Đ (ĐT 603 nối dài, giai đoạn 2), tại Đô thị mới Đ4 - Đ, thị xã Đ1;

Buộc UBND thị xã Đ1 phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất diện tích 367,9m<sup>2</sup>, loại đất ở thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 13, tờ bản đồ số 04) phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam cho hộ gia đình ông theo đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; khoản 1' Điều 18, Điều 28, Điều 37 Luật khiếu nại

năm 2011. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L;

Hủy một phần Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND phường Đ về giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L; trú tại: Khố phố N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam về nội dung khiếu nại của ông Trần Văn L về bồi thường đất nhà thờ (TIN: đất tín ngưỡng) đất ở (ODT), đất thổ cư (đất T) là không có cơ sở pháp lý.

Hủy Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1 về giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L; trú tại: Khố phố N, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam;

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/7/2020 ông Trần Văn L (tức Trần L) có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông L cho rằng Bản án sơ thẩm đã xác định việc khởi kiện các quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND xã Đ (nay là phường Đ), quyết định số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ1 là đã hết thời hiệu khởi kiện nên đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông L là không đúng pháp luật. Các quyết định nói trên đã thu hồi đất màu (nông nghiệp) là không đúng thực tế của thửa đất, việc hủy một phần quyết định 169/QĐ-UBND là không đúng pháp luật.

Nay ông L yêu cầu hủy các QĐ số 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013, QĐ số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 của UBND thị xã Đ1 và hủy toàn bộ QĐ số 169/QĐ-UBND của UBND phường Đ, thị xã Đ1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các qui định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án cũng như kháng cáo của ông L, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông L, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của ông Trần Văn L Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1]. Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu hủy đối với 04 (bốn) quyết định hành chính và yêu cầu Tòa án buộc UBND thị xã Đ1 phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về đất diện tích 367,9m<sup>2</sup>, loại đất ở thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 5 (nay là thửa số 13, tờ bản đồ số 04) phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Nam. Cụ thể: Quyết định 8390/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 và QĐ 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 về thu hồi đất và bồi thường; Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND phường Đ về giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn L; Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1 về giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần Văn L, (Gồm 02 quyết định thu

hồi, bồi thường về đất đai; 02 quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu về thực hiện hành vi).

Xét thấy: Nhằm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đô thị mới Đ4 - Đ (ĐT 603 nối dài), tại xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, ngày 02/12/2013 UBND huyện Đ1 đã ban hành quyết định số 8390/QĐ-UBND về việc thu hồi 82,2m<sup>2</sup> đất của ông Trần Văn L, đến ngày 06/9/2015, UBND thị xã Đ1 đã ban hành quyết định số 4069/QĐ-UBND về việc bồi thường đất và tài sản trên đất cho ông L, ông L cho rằng việc thu hồi, bồi thường không đúng, nên đã có đơn khiếu nại đối với các quyết định nêu trên, nhưng UBND thị xã Đ1 không giải quyết khiếu nại cho ông. Sau đó, UBND thị xã Đ1 tiếp tục thực hiện thu hồi 368m<sup>2</sup> nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, ông L cũng đã tiếp tục khiếu nại việc thu hồi đất. Qua xem xét trình tự, thủ tục thu hồi đất của UBND thị xã Đ1 đối với ông L là chưa tuân thủ các quy định của pháp luật như UBND thị xã Đ1 không ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích 368m<sup>2</sup> (367,9m<sup>2</sup>), không tổng đạt trực tiếp hoặc hợp lệ các thông báo, thủ tục thu hồi đất cho ông L, quá trình kiểm đếm tài sản không có mặt ông L, các cơ quan chuyên môn thông qua ông Trần Văn Trung là một người không liên quan gì đến quyền sử dụng đất và tài sản được đền bù để ký các thủ tục và nhận tiền đền bồi thường, trong lúc ông Trung không được ông L uỷ quyền.

Cho đến ngày 20-6-2018 Chủ tịch UBND phường Đ mới ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND về giải quyết đơn khiếu nại đối với ông Trần Văn L, ông L tiếp tục khiếu nại, ngày 28-12-2018 Chủ tịch UBND thị xã Đ1 ban hành Quyết định số 11109/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với ông Trần Văn L. Xem xét về thời hạn, thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Đ, cũng như Chủ tịch UBND thị xã Đ1 (lần hai) là không đúng quy định tại các Điều 17; 18; Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2]. Tại Bản án sơ thẩm, tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định cho rằng 02 quyết định số 8390/QĐ-UBND, ngày 02/12/2013 và số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 (về thu hồi đất, bồi thường) đã hết thời hiệu khởi kiện vào thời điểm tháng 11/2019 nên đã áp dụng điểm a khoản 2 và khoản 4 điều 116 Luật tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết đối với việc khởi kiện 02 quyết định nêu trên là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, sau khi nhận biết được quyết định thu hồi đất, ông L đã khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, do vậy thời hiệu khởi kiện các quyết định hành chính của ông L thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tại Khoản 3, Điều 116 quy định như sau: *“Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:*

*a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;..”*

Theo hồ sơ vụ án, sau khi nhận được các quyết định giải quyết khiếu nại số 169/QĐ-UBND ngày 20-6-2018 của Chủ tịch UBND phường Đ và Quyết định số 11109/QĐ-UBND ngày 28-12-2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đ1,

trong thời hạn chưa quá một năm, ông L đã có đơn khởi kiện nên các quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường nêu trên chưa hết thời hiệu khởi kiện.

Như đã phân tích ở trên, do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét về nội dung, cũng như tính hợp hiến, hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, đình chỉ việc khởi kiện đối với các quyết định số 8390/QĐ-UBND, ngày 02/12/2013 và số 4069/QĐ-UBND ngày 19/6/2015 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tổ tụng hành chính và chưa xem xét nội dung các quyết định hành chính nói trên, tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục, bổ sung được, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn L, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Sẽ được xem xét, giải quyết khi xét xử lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo, ông Trần Văn L không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 3, Điều 116; Khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L; hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2020/HC-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Ông L không phải chịu án phí phúc thẩm (không thu tạm ứng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/11/2020).

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**